

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CHI CỤC THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *Cần Thơ, ngày tháng năm 2022*

THÔNG BÁO

Kết quả Quan trắc môi trường nước nuôi thủy sản lần 2 tháng 10 năm 2022

I. QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Điểm Quan Trắc	Tỉnh	Huyện	Nhiệt độ (°C)	pH	DO (mg/l)	Độ kiềm (mg/l)	N-NO ₂ ⁻ (mg/l)	N-NO ₃ ⁻ (mg/l)	N-NH ₄ ⁺ (mg/l)	P-PO ₄ ³⁻ (mg/l)	H ₂ S (mg/l)	TSS (mg/l)	COD (mg/l)	Aeromonas tổng số (CFU/ml)	Coliform (MPN/100ml)
	Phương pháp thử			Nhiệt kế điện tử	Máy chuyên dùng	Máy Chuyên dùng	SMEWW 4500HCO ₃ ⁻ :2012	TCVN 6178: 1996	TCVN 6180: 1996	TCVN 6179-1: 1996	TCVN 6202: 2008	TCVN 6637: 2000	TCVN 6625: 2000	TCVN 6491: 1999	Trái đĩa	TCVN 6187-1: 2009
	Giới hạn cho phép theo QCVN 02-20:2014/BNNPTNT QCVN 08-MT: 2015/BTNMT (*)			25-32	7-9	2	60-80	0,05(*)	2(*)	0,3(*)	0,1(*)	0,05	20(*)	10(*)	---	2.500(*)
1	Sông Cái Sắn Vĩnh Thạnh (Sáng)	Cần Thơ	Vĩnh Thạnh	27,3	6,9	3,2	45	0,083	0,658	0,655	0,031	KPH	12	3,7	60	9.500
2	Sông Cái Sắn Vĩnh Thạnh (Chiều)	Cần Thơ	Vĩnh Thạnh	30,6	7,0	3,6	50	0,081	0,487	0,626	0,019	KPH	19	4,5	30	7.500
3	Ao Cái Sắn Vĩnh Thạnh (sáng)	Cần Thơ	Vĩnh Thạnh	27,5	6,8	2,8	40	0,360	0,783	0,985	0,075	KPH	22	5,8	400	12.000
4	Ao Cái Sắn Vĩnh Thạnh (Chiều)	Cần Thơ	Vĩnh Thạnh	30,5	7,0	3,2	48	0,328	0,674	0,954	0,086	KPH	22	4,2	470	15.000
5	Sông Hậu Thốt Nốt (Sáng)	Cần Thơ	Thốt Nốt	27,5	6,6	3,0	50	0,090	0,510	0,401	0,009	KPH	18	3,5	330	6.400
6	Sông Hậu Thốt Nốt (Chiều)	Cần Thơ	Thốt Nốt	30,7	7,0	3,4	45	0,101	0,674	0,399	0,008	KPH	20	1,9	310	9.500
7	Ao Thốt Nốt (Sáng)	Cần Thơ	Thốt Nốt	26,8	6,7	3,2	48	0,123	0,004	0,489	0,070	KPH	26	3,2	1.300	15.000
8	Ao Thốt Nốt (Chiều)	Cần Thơ	Thốt Nốt	30,4	7,0	3,8	53	0,117	0,117	0,490	0,097	KPH	27	4,5	1.520	12.000
9	Sông Hậu Thới Long (Sáng)	Cần Thơ	Thới Long	28,6	7,1	3	50	0,052	0,417	0,114	0,070	KPH	13	4,5	770	9.500
10	Sông Hậu Thới Long (Chiều)	Cần Thơ	Thới Long	30,4	7,1	3	45	0,031	0,218	0,122	0,025	KPH	18	5,1	630	9.500
11	Ao Thới Long (Sáng)	Cần Thơ	Thới Long	28,7	7,0	1,5	46	0,090	0,300	1,626	0,305	KPH	18	5,8	520	21.000
12	Ao Thới Long (Chiều)	Cần Thơ	Thới Long	30,2	7,0	2,5	45	0,118	0,592	1,631	0,532	KPH	20	6,4	700	21.000
13	Sông Hậu Thới An (Sáng)	Cần Thơ	Thới An	28,5	7,2	3	45	0,036	0,771	0,151	0,019	KPH	17	5,4	70	7.500
14	Sông Hậu Thới An (Chiều)	Cần Thơ	Thới An	30,5	7,1	3	40	0,046	0,923	0,115	0,072	KPH	25	5,1	80	9.500
15	Ao Thới An (Sáng)	Cần Thơ	Thới An	28,5	6,8	1,5	45	0,062	0,681	2,641	0,159	KPH	15	7,0	20	6.400
16	Ao Thới An (Chiều)	Cần Thơ	Thới An	30,2	7,0	2	40	0,086	0,487	1,988	0,237	KPH	8	6,8	10	7.500
17	Kênh KH6 Thới Hưng (Sáng)	Cần Thơ	Thới Hưng	28,7	7,0	3	42	0,055	0,471	0,329	0,249	KPH	13	2,2	50	6.400
18	Kênh KH6 Thới Hưng (Chiều)	Cần Thơ	Thới Hưng	30,5	7,0	3	50	0,058	0,569	0,252	0,158	KPH	14	3,8	30	6.400
19	Ao Thới Hưng (sáng)	Cần Thơ	Thới Hưng	28,4	7,6	2	67	0,302	0,265	0,688	0,275	KPH	59	4,6	70	12.000
20	Ao Thới Hưng (Chiều)	Cần Thơ	Thới Hưng	30,3	7,7	2	70	0,326	0,105	0,735	0,249	KPH	53	6,4	110	12.000

II. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG NƯỚC THEO CHỈ TIÊU HÓA LÝ VÀ VI SINH..

STT	ĐIỂM QUAN TRẮC	CHỈ TIÊU VƯỢT NGUỒN	WQI	Chất lượng nước	KHUYẾN CÁO
1	Sông Cái Sắn Vĩnh Thạnh	N- NO ₂ ⁻ vượt 1,64 lần, N- NH ₄ ⁺ vượt 2,14 lần, Kiềm thấp, Coliform vượt 3,4 lần.	78	Tốt	- Ô nhiễm N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ cần lấy nước vào ao lắng trước khi sử dụng. - Kiềm thấp, tăng cường bón vôi. - Cần diệt khuẩn để loại trừ mầm bệnh.
2	Sông Hậu Thốt Nốt	N- NO ₂ ⁻ vượt 1,91 lần, N- NH ₄ ⁺ vượt 1,33 lần, Kiềm thấp, Coliform vượt 3,18 lần.	80	Tốt	- Ô nhiễm N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ cần lấy nước vào ao lắng trước khi sử dụng. - Kiềm thấp, tăng cường bón vôi. - Cần diệt khuẩn để loại trừ mầm bệnh.
3	Sông Hậu Thới Long	Kiềm thấp, Coliform vượt 3,8 lần.	94	Rất tốt	- Kiềm thấp, tăng cường bón vôi. - Cần diệt khuẩn để loại trừ mầm bệnh.
4	Sông Hậu Thới An	Kiềm thấp, Coliform vượt 3,4 lần.	94	Rất tốt	- Kiềm thấp, tăng cường bón vôi. - Cần diệt khuẩn để loại trừ mầm bệnh.
5	Kênh KH6 Thới Hưng	N- NO ₂ ⁻ vượt 1,13 lần, P- PO ₄ ³⁻ vượt 2,04 lần; Kiềm thấp, Coliform vượt 2,56 lần.	81	Tốt	- Ô nhiễm N-NO ₂ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ cần lấy nước vào ao lắng trước khi sử dụng. - Kiềm thấp, tăng cường bón vôi. - Cần diệt khuẩn để loại trừ mầm bệnh.

Ghi chú:

Chỉ số WQI được đánh giá theo Quyết định 1460/QĐ-TCMT của Tổng cục Môi trường ký ngày 12/11/2019. Trong đó, các thông số được dùng để tính toán gồm pH, DO, COD, N-NH₄⁺, N-NO₂⁻, P-PO₄³⁻, *Aeromonas* tổng số.

Bảng: Các mức độ đánh giá chất lượng nước theo chỉ số WQI

Giá trị WQI	Mức đánh giá chất lượng nước	Ghi chú
91 - 100	Rất tốt	
76 - 90	Tốt	
51 - 75	Trung bình	
26 - 50	Xấu	
10 - 25	Kém	
<10	Ô nhiễm rất nặng	

I. NHẬN XÉT KẾT QUẢ

1. Kết quả quan trắc môi trường nước trên sông tại các điểm quan trắc như sau:

- Các chỉ tiêu thông thường:

Chỉ tiêu độ kiềm tại các điểm quan trắc (dao động từ 40– 50 mg/l) chưa phù hợp theo khuyến cáo của QCVN 02-20:2014/BNNPTNT.

- Các chỉ tiêu đánh giá mức độ ô nhiễm:

Các điểm quan trắc ở phường Tân Lộc thuộc quận Thốt Nốt; ở thị trấn Vĩnh Thạnh thuộc huyện Vĩnh Thạnh; ở phường Thới An và phường Thới Long thuộc quận Ô Môn; ở phường Thới Hưng thuộc huyện Cờ Đỏ đều có các chỉ tiêu S^{2-} , NH_4^+ COD, TSS trên sông phù hợp với chất lượng nước cấp nuôi cá tra. Kết quả mật độ vi khuẩn *Aeromonas* spp tổng số ở tất cả các điểm quan trắc đều nằm giới hạn khuyến cáo (nhỏ hơn 10^3 CFU/ml). Kết quả vi khuẩn Coliform nằm trong ngưỡng Cột A1 của QCVN 08-MT:2015/BTNMT ở tất cả các điểm quan trắc.

Các chỉ tiêu NO_2^- (0,052 – 0,101 mg/l); PO_4^{3-} (0,0193 – 0,249 mg/l), NH_4^+ (0,329 – 0,655 mg/l) ở tất cả các điểm quan trắc đều vượt khuyến cáo QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A1 ngoại trừ điểm quan trắc ở phường Thới An và Thới Long thuộc quận Ô Môn.

2. Kết quả quan trắc môi trường nước trong ao cá tra đại diện như sau:

- Các chỉ tiêu thông thường:

Các chỉ tiêu độ kiềm phù hợp chất lượng nước nuôi cá tra của QCVN 02-20:2014/ BNN&PTNT.

- Các chỉ tiêu đánh giá mức độ ô nhiễm:

Các chỉ tiêu COD, S^{2-} , TSS trong ao phù hợp với chất lượng nước nuôi cá tra và nằm trong phạm vi cho phép theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A1, QCVN 02-20:2014/ BNNPTNT và Boyd (1998); Kết quả mật độ vi khuẩn *Aeromonas* spp tổng số tại các thủy vực quan trắc đều nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép (nhỏ hơn 10^3 CFU/ml) ngoại trừ điểm quan trắc ở phường Tân Lộc thuộc quận Thốt Nốt. Kết quả vi khuẩn Coliform ở các điểm quan trắc đều vượt ngưỡng cho phép của Cột A1 của QCVN 08-MT:2015/BTNMT.

Các chỉ tiêu NO_2^- (0,062 – 0,36 mg/l); NH_4^+ (0,489 – 2,641 mg/l) trong ao tại các điểm quan trắc đều vượt khuyến cáo QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A1. Chỉ tiêu PO_4^{3-} (0,07 – 0,532 mg/l) trong ao tại các điểm quan trắc đều vượt khuyến cáo QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A1 ngoại trừ điểm quan trắc ở phường Tân Lộc thuộc quận Thốt Nốt; ở thị trấn Vĩnh Thạnh thuộc huyện Vĩnh Thạnh.

II. KHUYẾN CÁO

- Theo Đài khí tượng thủy văn khu vực Nam Bộ dự báo mực nước trên sông Hậu và các kênh rạch trong thành phố Cần Thơ chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi thủy triều. Mực nước cao nhất ngày 18/10 là 3 m (ở mức BĐ1).

- Chất lượng nước sông tốt. Các hộ nuôi cần có biện pháp theo dõi chất lượng nước cấp như:

- + Kiểm tra chất lượng nước trước khi cấp vào ao lắng.
- + Xử lý nước trước khi cấp vào ao nuôi.
- + Tăng cường bón vôi nhằm nâng độ kiềm, giữ pH ổn định.

- Chất lượng nước ao ở các hộ nuôi cá tra tại phường Thới An, Thới Long thuộc quận Ô Môn; phường Tân Lộc thuộc quận Thốt Nốt và thị trấn Vĩnh Thạnh thuộc huyện Vĩnh Thạnh ở mức tương đối.

Tuy nhiên, hiện nay đang mùa mưa, nước thủy triều dâng và nước từ thượng nguồn đang đổ về chất ô nhiễm có nguy cơ làm giảm chất lượng nước. Vì vậy:

- + Tăng cường bón vôi quanh bờ ao và trong ao nhằm giảm biến động pH, ổn định chất lượng nước.
- + Tăng cường bổ sung Vitamin C và khoáng vi lượng.
- + Gia cố đê bao nhằm đảm bảo ao nuôi thủy sản.

Trên đây là Thông báo kết quả quan trắc môi trường lần 2 tháng 10 năm 2022 đến các hộ nuôi và cơ quan quản lý nhằm thực hiện tốt nuôi thủy sản trên địa bàn TP. Cần Thơ năm 2022./.

Nơi nhận:

- Tổng Cục Thủy Sản (BC);
- Sở NN&PTNT (BC);
- Phòng Nông nghiệp H. Vĩnh Thạnh; H. Cờ Đỏ;
- Phòng kinh tế Q. Thốt Nốt. Q. Ô Môn;
- Đài truyền thanh: Ô Môn. Thốt Nốt. Vĩnh Thạnh;
- Viện NC NTTS II;
- Trung Tâm KN-KN-KD NTTS vùng I;
- Liên trạm thủy sản Thốt Nốt-Vĩnh Thạnh; Ô Môn-Thới Lai-Cờ Đỏ;
- Lưu VT. P. Thí nghiệm.(BTDMy).

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Lệ Hoa

KẾT QUẢ CHỈ TIÊU NHIỆT ĐỘ, pH, DO TỪ 10/10/2022 ĐẾN 14/10/2022

STT	Điểm Quan Trắc	Tỉnh	Huyện	Nhiệt độ (°C)	pH	DO (mg/l)	Nhiệt độ (°C)	pH	DO (mg/l)	Nhiệt độ (°C)	pH	DO (mg/l)
				10/10/2022			12/10/2022			14/10/2022		
1	Sông Cái Sắn Vĩnh Trinh (Sáng)	Cần Thơ	Vĩnh Trinh	27,3	6,9	3,2	27,6	6,8	3,0	26,8	6,9	3,2
2	Sông Cái Sắn Vĩnh Trinh (Chiều)	Cần Thơ	Vĩnh Trinh	30,6	7,0	3,6	30,8	7,2	3,8	30,7	7,0	3,6
3	Ao Cái Sắn Vĩnh Trinh (sáng)	Cần Thơ	Vĩnh Trinh	27,5	6,8	2,8	27,4	6,9	3,0	27,0	6,7	3,0
4	Ao Cái Sắn Vĩnh Trinh (Chiều)	Cần Thơ	Vĩnh Trinh	30,5	7,0	3,2	30,7	7,0	3,0	30,8	7,0	3,4
5	Sông Hậu Thốt Nốt (Sáng)	Cần Thơ	Thốt Nốt	27,5	6,6	3,0	27,6	6,8	3,4	27,4	6,7	3,2
6	Sông Hậu Thốt Nốt (Chiều)	Cần Thơ	Thốt Nốt	30,7	7,0	3,4	30,6	7,0	3,2	30,9	7,0	3,0
7	Ao Thốt Nốt (Sáng)	Cần Thơ	Thốt Nốt	26,8	6,7	3,2	26,9	6,8	3,0	26,8	6,7	3,2
8	Ao Thốt Nốt (Chiều)	Cần Thơ	Thốt Nốt	30,4	7,0	3,8	30,7	7,0	3,6	30,8	7,0	3,8
9	Sông Hậu Thới Long (Sáng)	Cần Thơ	Thới Long	28,6	7,1	3	28,7	7,1	3	28,5	7,1	3
10	Sông Hậu Thới Long (Chiều)	Cần Thơ	Thới Long	30,4	7,1	3	30,4	7,1	3	30,6	7,1	3
11	Ao Thới Long (Sáng)	Cần Thơ	Thới Long	28,7	7,0	2	28,9	6,8	2	28,5	7,2	2
12	Ao Thới Long (Chiều)	Cần Thơ	Thới Long	30,2	7,0	2,5	30,1	7,0	2,5	30,3	7,4	2,5
13	Sông Hậu Thới An (Sáng)	Cần Thơ	Thới An	28,5	7,2	3	28,5	7,1	3	28,6	7,0	3
14	Sông Hậu Thới An (Chiều)	Cần Thơ	Thới An	30,5	7,1	3	30,5	7,1	3	30,6	7,1	3
15	Ao Thới An (Sáng)	Cần Thơ	Thới An	28,5	6,8	2	28,8	7,1	2	28,3	7,1	2
16	Ao Thới An (Chiều)	Cần Thơ	Thới An	30,2	7,0	2	30	7,1	2	30,2	7,3	2,5
17	Kênh KH6 Thới Hưng (Sáng)	Cần Thơ	Thới Hưng	28,7	7,0	3	28,4	7,1	3	28,4	7,0	3
18	Kênh KH6 Thới Hưng (Chiều)	Cần Thơ	Thới Hưng	30,5	7,0	3	30,5	7,1	3	30,6	7,1	3
19	Ao Thới Hưng (sáng)	Cần Thơ	Thới Hưng	28,4	7,6	2	28,7	7,3	2	28,7	7,3	2,5
20	Ao Thới Hưng (Chiều)	Cần Thơ	Thới Hưng	30,3	7,7	2	30,2	7,4	2,5	30,6	7,5	2,5